

and heterogeneously vancomycin intermediate Staphylococcus aureus clinical isolates: a systematic review and meta-analysis. *Scientific Reports*, 2020, 10(1): p. 12689.

8. **Walraven CJ, North MS, Marr-Lyon L,**

Deming P, Sakoulas G, Mercier RC. Site of infection rather than vancomycin MIC predicts vancomycin treatment failure in methicillin-resistant Staphylococcus aureus bacteraemia. *J Antimicrob Chemother*, 2011, 66(10): p. 2386-92.

KIẾN THỨC, THỰC HÀNH PHÒNG CHỐNG COVID-19 CỦA NHÂN VIÊN TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KIẾN XƯƠNG THAM GIA PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 NĂM 2022

Bùi Thị Huyền Diệu¹, Ngô Văn Mạnh¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thiết kế theo nghiên cứu dịch tễ học mô tả thông qua cuộc điều tra cắt ngang có phân tích. 237 nhân viên y tế thuộc Trung tâm y tế huyện Kiến Xương đã được điều tra từ tháng 1- tháng 7 năm 2022 với mục tiêu đánh giá kiến thức, thực hành về phòng chống COVID -19 của đối tượng nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Vẫn có tới 8,0% NVYT tuyến huyện cho rằng kháng sinh là lựa chọn điều trị đầu tiên khi bị COVID-19; và tới 38% NVYT cho rằng thuốc cảm cúm có tác dụng điều trị COVID-19; tỷ lệ NVYT chỉ dùng 1 phần các trang thiết bị bảo hộ khi phòng dịch lên tới 16,9%; tỷ lệ NVYT có kiến thức đạt là 69,2%; thực hành đạt là 71,7%. Cần trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ cá nhân cho nhân viên y tế trong công tác phòng chống dịch, giám sát việc sử dụng trang thiết bị của NVYT để đảm bảo hiệu quả phòng dịch cũng như giảm bớt sự lo lắng của nhân viên y tế khi tham gia phòng dịch

Từ khóa: kiến thức, thực hành, nhân viên y tế, COVID-19

SUMMARY

KNOWLEDGE, PRACTICE TO PREVENT COVID-19 AMONG HEALTH STAFF WORKING IN KIEN XUONG DISTRICT HEALTH CENTER PARTICIPATED IN THE PREVENTION OF COVID-19 IN 2022

The study was designed according to a descriptive epidemiological study through an analytical cross-sectional study. 237 medical staff from Health Center in Kien Xuong District were investigated from January to July 2022 with the aim of assessing the study subjects' knowledge and practice of COVID-19 prevention. Research results show that: Still up to 8.0% of district health workers think that antibiotics are the first choice of treatment when having COVID-19; and up to 38% of health workers believe that flu medicine is effective in treating COVID-19; the rate of

health workers using only a part of protective equipment during epidemic prevention reached 16.9%; the percentage of health workers with knowledge is 69.2%; practice is 71.7%. It is necessary to fully equip medical staff with personal protective equipment in epidemic prevention and control, to monitor the use of equipment by health workers to ensure effective disease prevention as well as reduce anxiety among health workers. medical staff when participating in epidemic prevention

Keywords: knowledge, practice, healthcare workers, COVID-19

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuối năm 2019, COVID-19 đã phát triển thành một đại dịch ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, chỉ trong một thời gian ngắn, COVID -19 trở thành một khủng hoảng to lớn và tác động tới mọi mặt của đời sống kinh tế, khiến nhiều người tử vong [1]. Tính tới tháng 11/2022 Thái Bình có tổng số 273.000 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh, trong đó huyện Kiến Xương có 42.060 ca mắc.

Số lượng mắc lớn dẫn tới áp lực công việc lên nhân viên y tế là rất cao, các quy trình chống dịch đòi hỏi tuân thủ nghiêm ngặt. Kiến thức và thực hành của nhân viên y tế về COVID-19 đóng vai trò quan trọng giúp cho nhân viên y tế có thể áp dụng trong công tác phòng bệnh cũng như giảm bớt các tác động tâm lý tiêu cực. Các nghiên cứu trước đây thường tập trung đánh giá kiến thức, thực hành của nhân viên y tế tại các cơ sở điều trị bệnh nhân COVID-19, câu hỏi đặt ra là những NVYT tuyến xã, tuyến huyện với các công việc đặc thù khác biệt hơn so với các cơ sở điều trị thì kiến thức và thực hành về COVID-19 của họ như thế nào. Do đó, nghiên cứu được tiến hành với mục tiêu đánh giá kiến thức, thực hành của nhân viên y tế tuyến huyện đang làm việc tại Trung tâm y tế huyện Kiến Xương, Thái Bình năm 2022.

¹Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Chịu trách nhiệm chính: Bùi Thị Huyền Diệu

Email: huyendieu1410@gmail.com

Ngày nhận bài: 2.2.2023

Ngày phản biện khoa học: 17.3.2023

Ngày duyệt bài: 5.4.2023

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Nhân viên y tế thuộc Trung tâm y tế huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

Tiêu chuẩn lựa chọn: Cán bộ phải công tác từ 6 tháng trở lên tính đến ngày làm nghiên cứu

Tiêu chuẩn loại trừ:

- Đối tượng không đủ các tiêu chuẩn trên.
- Đối tượng vắng mặt tại thời điểm điều tra (nghỉ thai sản, nghỉ phép, nghỉ do ốm đau)
- Đối tượng từ chối tham gia nghiên cứu.

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2022

Địa điểm nghiên cứu: Trung tâm y tế huyện Kiến Xương và các trạm y tế thuộc TTYT

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu tiến hành theo phương pháp dịch tễ học mô tả với cuộc điều tra cắt ngang

2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu. Nghiên cứu sử dụng cỡ mẫu toàn bộ. Tất cả nhân viên đang làm việc tại các trạm y tế xã và trung tâm y tế thuộc huyện Kiến Xương, đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn sẽ được mời tham gia nghiên cứu

2.2.3. Phương pháp thu thập số liệu. Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi đã được thiết kế sẵn. Bộ câu hỏi gồm 2 phần: Phần 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu, phần 2: Kiến thức, thực hành phòng chống COVID-19

+ Kiến thức: Phần kiến thức có 13 câu hỏi với 29 ý trả lời (nhiều câu hỏi có nhiều lựa chọn). Điểm số sẽ chạy từ 0-29 điểm, NVYT đạt được $\geq 90\%$ số câu trả lời đúng ($\geq 26,1$ điểm) được đánh giá đạt kiến thức, dưới mức 26,1 điểm được đánh giá chưa đạt về kiến thức.

+ Thực hành: Phần thực hành có 10 câu hỏi với 21 ý trả lời (nhiều câu hỏi có nhiều lựa chọn). Điểm số sẽ chạy từ 0-21 điểm, NVYT đạt được $\geq 90\%$ số câu trả lời đúng ($\geq 18,9$ điểm) được đánh giá đạt thực hành, dưới mức 18,9 điểm được đánh giá chưa đạt về thực hành

2.2.4. Phương pháp xử lý số liệu. Thông tin thu thập được nhập bằng phần mềm Epidata 3.01 xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 21.0. Sử dụng test thống kê y học chíquare (χ^2) test để kiểm định tỷ lệ có ý nghĩa thống kê với mức $p < 0,05$. Kết quả nghiên cứu được trình bày bằng bảng tỷ lệ %, biểu đồ.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Thông tin về đối tượng nghiên cứu (n=237)

Biến số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	54	22,8
	Nữ	183	77,2
Chức danh nghề nghiệp	Bác sĩ	40	16,9
	Dược sĩ	38	16,0
	Điều dưỡng	80	33,8
	Nữ hộ sinh/KTV	30	12,6
	Dân số	49	20,7
Trình độ chuyên môn	Trung cấp/cao đẳng	161	67,9
	Đại học	71	30,0
	Sau đại học	5	2,1
Độ tuổi	≤ 30 tuổi	24	10,1
	31-40 tuổi	107	45,1
	41-50 tuổi	70	29,5
	≥ 51 tuổi	36	15,2
Số năm làm việc	≤ 10 năm	9	3,8
	> 10 năm	68	28,7

Nhận xét: Nhân viên y tế là nữ giới chiếm tỷ lệ cao với 77,2%. Tỷ lệ bác sĩ là 16,9%. 67,9% nhân viên có trình độ trung cấp/cao đẳng, tỷ lệ học tốt nghiệp đại học là 67,9%, sau đại học là 2,1%. Nhóm tuổi từ 31-40 chiếm tỷ lệ cao nhất với 45,1%, nhóm tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất là dưới 30 tuổi với 10,1%.

Bảng 3.2. Kiến thức của NVYT về đường lây và triệu chứng của virus (n=237)

Biến số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đường lây	Biết cả 5 đường lây	36	15,2
	Biết 3-4 đường lây	165	69,6
	Biết 1-2 đường lây	35	14,8
	Không biết	1	0,4
Triệu chứng cơ bản	Đúng	237	100,0
	Sai	0	0

Nhận xét: Chỉ có 15,2% NVYT biết chính xác tất cả các đường lây của COVID-19; 69,6% NVYT biết 3-4 đường lây của COVID-19 và 14,8% biết 1-2 đường lây. 100% NVYT biết các triệu chứng cơ bản như sốt, ho, khó thở của COVID-19.

Bảng 3.3. Kiến thức của NVYT về cách xử trí ban đầu với COVID-19 (n=237)

Biến số		Số lượng (n=237)	Tỷ lệ (%)
Kháng sinh là lựa chọn đầu tiên khi điều trị	Đúng	19	8,0
	Sai	214	90,3
	Không biết	4	1,7
Thuốc trị cảm cúm có tác dụng điều trị COVID-19	Đúng	90	38,0
	Sai	135	57,0
	Không biết	12	5,0

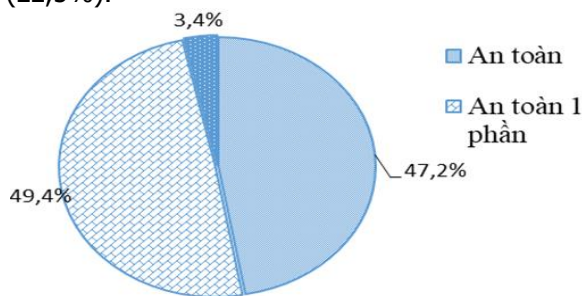
Nhận xét: Có 8,0% NVYT cho biết kháng sinh là lựa chọn đầu tiên khi điều trị COVID-19; 1,7% NVYT không biết có nên dùng kháng sinh

hay không khi bị COVID-19. Có tới 38,0% NVYT cho biết thuốc trị cảm cúm thông thường có tác dụng điều trị COVID-19.

Bảng 3.4. Sử dụng TTB phòng hộ khi phòng chống dịch COVID-19 (n=237)

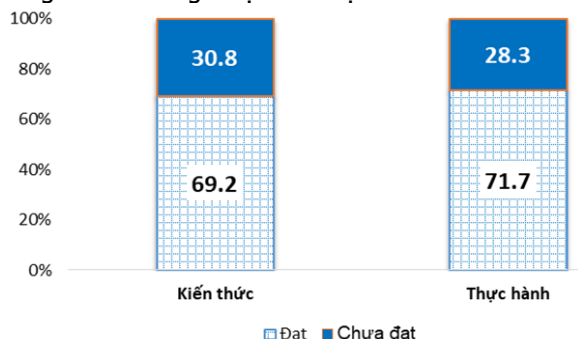
Sử dụng bảo hộ		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Sử dụng (n=237)	Dùng đầy đủ	197	83,1
	Dùng 1 phần	40	16,9
Lý do không sử dụng đầy đủ (n=40)	Thiếu trang thiết bị bảo hộ	27	67,5
	Cảm thấy không thoải mái	9	22,5
	Khó thực hiện công việc	7	17,5
	TTBBH không vừa	6	15,0
	Tôi thấy không cần thiết	1	2,5

Nhận xét: trong số 237 NVYT tham gia phòng chống dịch có 197 NVYT có dùng đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ (chiếm 83,1%), 16,9% nhân viên y tế chỉ dùng 1 phần các trang thiết bị bảo hộ, lý do chính cho việc họ không dùng trang thiết bị đầy đủ là thiếu trang thiết bị (chiếm 67,5%) và cảm thấy không thoải mái (22,5%).



Biểu đồ 3.1. Cảm giác được bảo vệ an toàn bằng các TTB bảo hộ (n=237)

Nhận xét: Cảm giác NVYT cảm thấy an toàn bằng các TTB bảo hộ khi tham gia công tác phòng chống dịch COVID-19. 47,2% cảm thấy mình được bảo vệ 1 cách an toàn, 49,4% cho rằng mình chỉ được an toàn 1 phần và 3,4% cho rằng mình không được bảo vệ 1 cách an toàn.



Biểu đồ 3.2. Tỷ lệ NVYT có kiến thức và thực hành đạt (n=237)

Nhận xét: Trong số 237 NVYT được khảo sát về kiến thức và thực hành phòng chống dịch COVID-19 thì có 69,2% NVYT đạt về kiến thức và 71,7% đạt về thực hành.

Bảng 3.5. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành phòng chống dịch COVID-19 của đối tượng nghiên cứu (n=237)

Kiến thức \ Thực hành	Không đạt		Đạt	
	SL	%	SL	%
Không đạt	34	46,6	39	53,4
Đạt	33	20,1	131	79,9
Tổng	67	28,3	170	71,7
OR= 3,46 (CI95%: 1,90-6,29)				

Nhận xét: Tỷ lệ không đạt thực hành ở nhóm không đạt kiến thức lên tới 46,6%, trong khi tỷ lệ này ở nhóm đạt kiến thức chỉ là 20,1%. Có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành phòng chống dịch COVID-19 ở đối tượng nghiên cứu. Nhân viên y tế có kiến thức không đạt có khả năng không đạt thực hành cao gấp 3,46 lần so với nhân viên có kiến thức đạt.

IV. BÀN LUẬN

Bảng 3.2 cho thấy trong số 5 đường lây của COVID-19 thì 69,6% biết các đường lây cơ bản, chủ yếu là qua giọt bắn từ người bệnh. Kết quả này cho thấy nhận thức đúng của NVYT về đường lây truyền bệnh. Từ đó, NVYT sẽ có các biện pháp phòng chống dịch bệnh tốt hơn và tuyên truyền cho người dân đúng hơn. Bảng 3.3 cho thấy kiến thức về xử trí với COVID-19, vẫn còn 8% NVYT cho rằng phải sử dụng kháng sinh khi điều trị COVID-19 và có tới 38% cho rằng các thuốc cảm cúm có tác dụng điều trị COVID-19. Nghiên cứu của Huỳnh Giao trên 327 NVYT của 2 quận tại Thành phố HCM cho thấy 47,6% NVYT cho rằng kháng sinh không phải lựa chọn điều trị đầu tiên của bệnh nhân COVID-19[37]. Nghiên cứu của Albahri tại Dubai năm 2020 cũng cho kết quả: 30,1% nhân viên y tế cho rằng sử dụng kháng sinh sớm sẽ rút ngắn thời gian mắc COVID-19 của bệnh nhân [3]. Đây là những kiến thức chưa đúng, sử dụng kháng sinh không đúng có thể gây ra những biến chứng khi điều trị và gây ra hiện tượng kháng kháng sinh bởi kháng sinh không có tác dụng với virus nói chung và virus SARS-CoV2 nói riêng. Cần phải có những đợt tập huấn để nâng cao hiểu biết của NVYT tuyến cơ sở trong việc sử dụng thuốc điều trị COVID-19.

Bảng 3.4 cho kết quả: chỉ có 83,1% NVYT sử dụng các trang thiết bị phòng hộ đầy đủ, lý do cho việc dùng không đủ trang thiết bị được đưa

ra là thiếu trang thiết bị bảo hộ (67,5%) và cảm thấy không được thoải mái khi sử dụng các đồ bảo hộ trong thời tiết nóng bức (22,5%) và dùng đồ bảo hộ làm họ cảm thấy khó thực hiện công việc (17,5%), điều này là thực tế, bởi trong giai đoạn phòng dịch cao điểm, không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới, hệ thống y tế phải đối mặt với việc thiếu trầm trọng các trang thiết bị bảo hộ cho nhân viên y tế trong các bệnh viện, các khu điều trị và ở cả các tuyến y tế cơ sở. Một nghiên cứu tổng hợp giữa Đức và Malaysia trên đối tượng NVYT trong thời kỳ COVID-19 năm 2010 cho kết quả, một trong những khó khăn của nhân viên y tế là họ không được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ [4].

Nghiên cứu của chúng tôi đưa ra kết quả: có 69,2% NVYT có kiến thức đạt và 71,7% có thực hành đạt về phòng chống COVID-19. Tỷ lệ này tương đương với nghiên cứu của Farah năm 2020 tại Ethiopia với 73,3% có kiến thức tốt và 61,5% có thực hành tốt [5]. Tuy nhiên tỷ lệ kiến thức và thực hành đạt trong nghiên cứu của chúng tôi lại thấp hơn so với một số nghiên cứu trong và ngoài nước. Nghiên cứu của Hà Thị Nhã Ca trên 292 nhân viên y tế tại bệnh viện Đại học Y Dược Tp HCM, kết quả cho thấy: Đa số nhân viên y tế có kiến thức, thái độ và thực hành tốt lần lượt chiếm 85,6%, 78,8% và 93,2% với điểm trung bình kiến thức, thái độ, thực hành lần lượt là $4,5 \pm 1,0$ (phạm vi 1 – 6), $16,8 \pm 2,0$ (phạm vi 5 – 25), $4,6 \pm 0,7$ (phạm vi 1 – 5) [6]. Nghiên cứu của Trương Quang Tiến trên 963 nhân viên y tế tuyến huyện và tuyến xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2020 cho kết quả: Kết quả cho thấy điểm thực hành trung bình của 963 người tham gia là 20,39 với 91,3% (879 NVYT) có điểm thực hành cao.

Bảng 3.5 tìm hiểu mối liên quan giữa kiến thức và thực hành về COVID-19 của đối tượng nghiên cứu, kết quả cho thấy: những nhân viên y tế không đạt kiến thức có khả năng sẽ không đạt thực hành cao gấp 3,46 lần so với những NVYT có kiến thức đạt (CI95%: 1,90-6,29). Nghiên cứu của Huỳnh Giao trên đối tượng người bệnh tại bệnh viện Quận 2 TPHCM cho thấy: bệnh nhân có kiến thức tốt sẽ có thực hành tốt gấp 1,5 lần so với bệnh nhân có kiến thức không tốt [7]. Nghiên cứu của Shampile tại Zambia trên 264 nhân viên y tế về kiến thức và thực hành phòng chống COVID-19 cho thấy: NVYT có kiến thức tốt đạt 75,6% thực hành tốt, trong khi tỷ lệ này ở nhóm kiến thức không tốt chỉ là 32,2%, NVYT có

kiến thức không đạt có khả năng không đạt thực hành cao gấp 6,5 lần so với NVYT có kiến thức đạt [8].

V. KẾT LUẬN

Tuy phần lớn nhân viên y tế tại địa bàn nghiên cứu đã có kiến thức và thực hành phòng chống COVID-19 đạt nhưng vẫn có một số ít nhân viên y tế vẫn cho rằng thuốc kháng sinh và thuốc trị cảm cúm là ưu tiên hàng đầu khi điều trị COVID-19 và vẫn còn tới gần 17% NVYT không dùng đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ khi chống dịch. Tăng cường công tác tập huấn và tập huấn lại kiến thức về COVID-19 cho nhân viên y tế đặc biệt là y tế cơ sở để có thực hành tốt về phòng chống COVID -19 cho bản thân và cho người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ciotti M., Ciccozzi M., Terrinoni A., et al.** (2020). The COVID-19 pandemic. *Critical Reviews in Clinical Laboratory Sciences*, 57(6), 365–388.
2. **Huynh G., Nguyen T.N.H., Tran V.K., et al.** (2020). Knowledge and attitude toward COVID-19 among healthcare workers at District 2 Hospital, Ho Chi Minh City. *Asian Pacific Journal of Tropical Medicine*, 13(6), 260.
3. **Albahri A.H., Alnaqbi S.A., Alnaqbi S.A., et al.** (2021). Knowledge, Attitude, and Practice Regarding COVID-19 Among Healthcare Workers in Primary Healthcare Centers in Dubai: A Cross-Sectional Survey, 2020. *Frontiers in Public Health*, 9, 1080.
4. **Nienhaus A. and Hod R.** (2020). COVID-19 among Health Workers in Germany and Malaysia. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17(13), 4881.
5. **Farah A.M., Nour T.Y., Obsiye M., et al.** (2021). Knowledge, Attitudes, and Practices Regarding COVID-19 Among Health Care Workers in Public Health Facilities in Eastern Ethiopia: Cross-sectional Survey Study. *JMIR Formative Research*, 5(10), e26980.
6. **Ca H.T.N.** (2021), Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống dịch bệnh COVID-19 của người lao động tại Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM trong đại dịch COVID-19, Luận văn Thạc sỹ Y học, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
7. **Huỳnh Giao, Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Thị Ngọc** (2021). Kiến thức, thái độ, thực hành phòng ngừa covid-19 của người bệnh tại bệnh viện quận 2, TP Hồ Chí Minh. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, 25(2), 103–109.
8. **Shampile J.N., Lingenda G., Zambwe M., et al.** (2021), Knowledge, Attitudes and Practice Among Healthcare Workers Towards Covid-19 Preventive Measures at Women and New-Born Hospital, University Teaching Hospital, Lusaka, Zambia, medRxiv.